TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 254/2022/HS-ST
Ngày: 08-6-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hồng Hạnh

2. Bà Lê Thị Xuân Lang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1810/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Thái Lập T** (tên gọi khác: Không); giới tính: nam; sinh năm 1986 tại Kiên Giang; thường trú và cư trú: D M, khu phố Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Thái Ất M và bà Chiêm Túc B; hoàn cảnh gia đình: vợ Đỗ Thị Việt H (không đăng ký kết hôn), có 02 người con chung, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2003, Tòa án nhân dân Quận 7, TP . xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2003, theo Bản án hình sự số 142/HSST ngày 04/12/2003.

- Ngày 29/12/2003, Tòa án nhân dân Quận 8, TP . xử phạt 12 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2003, theo Bản án số 276/STHS ngày 29/12/2003.

- Ngày 04/6/2004, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 01 năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2003. Ngày 25/01/2006 chấp hành xong hình phạt tù. Đã xóa án tích.

- Năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù giam, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2018, theo Bản án số 19/2019/HSST ngày 13/3/2019. Ngày 24/8/2021, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. **Dư Đức M1**; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số C L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Dư Đức V (chết) và bà Lê Thị T1; hoàn cảnh gia đình: có vợ Lê Thị Kim A (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù giam, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2018, theo Bản án số 19/2019/HSST ngày 13/3/2019. Ngày 24/8/2021, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Minh C**; giới tính: N; sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 1 Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 1 N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Trần Mỹ C1 (chết) và bà Phan Thị T2; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2013, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP . xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2012, theo Bản án số 142/2013/HSST ngày 19/6/2013. Đã xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. **Đỗ Thị Việt H**; giới tính: Nữ; sinh năm: 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: nhà không số, tổ I, khu phố B, Phường T, Quận A, TP .. Nơi ĐKHKTT: K N, Phường G, quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: nội trợ con ông Đỗ Đức T3 và bà Trần Thị T4; hoàn cảnh gia đình: có chồng: Thái Lập T (không đăng ký kết hôn), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2004, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội "Lưu hành tiền giả", thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2004, theo Bản án số 1833/HSST ngày 30/9/2004. Đã xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Tổng công ty D3

Địa chỉ: Tòa nhà V phố H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: 121 P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị Tuyết A1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 2 B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2018, Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố H, Chi nhánh Tổng Công ty dịch vụ viễn thông Thành phố D3 (Trung tâm K) đã phát hiện các đối tượng lợi dụng chính sách phát triển kinh doanh của V đã sử dụng 23 giấy chứng minh nhân dân mang tên: Nguyễn Thị Thùy T5, Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thanh H1, Sển L, Phùng Việt D, Dương Quốc C2, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Trường T7, Trần Tấn T8, Trịnh Minh H2, Võ Văn T9, Võ Đăng K, Vũ Ngọc S, Võ Chí T10, Nguyễn Cao T11, Trương Trung T12, Đặng Trinh T13, Nguyễn Thanh H3, Phan Trọng S1, Lê Hoàng M2, Huỳnh Quốc D1, Nguyễn Quang V1, Trần Quốc K1 đến các cửa hàng của V trên địa bàn TP . thực hiện ký kết hợp đồng sử dụng 87 sim điện thoại di động trả sau gói TG1, TG2 và Alo 145. Sau khi đăng ký, các đối tượng sử dụng sim điện thoại vào việc nhắn tin SMS mua mã game online trên các trang Web Google Play, phát sinh tổng số tiền cước 349.307.719 đồng. Trung tâm K đã thực hiện phát hành giấy báo cước phí điện thoại do các cá nhân có tên trên 23 giấy CMND nhưng không thu được tiền cước do các cá nhân này không thực hiện đăng ký sử dụng, không biết cá nhân nào thực hiện đăng ký hòa mạng sim điện thoại di động, gây thiệt hại cho nhà mạng Vinaphone.

Quá trình làm việc với đại diện Trung tâm V Chi nhánh T14 cung cấp danh sách thuê bao đã hòa mạng của 23 khách hàng, tổng số cước phát sinh: 349.307.719 đồng, tổng số tiền đã thanh toán: 49.361.373 đồng. Trung tâm K đã cung cấp các hồ sơ bản chính hợp đồng dịch vụ và tài liệu có liên quan đến 18 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ, phiếu yêu cầu cung cấp, phiếu đăng ký gói cước do khách hàng ký tên đăng ký trên hợp đồng dịch vụ và các bản phôtô chứng minh nhân dân. Qua nhận diện khách hàng theo chứng minh nhân dân khi hòa mạng, Trung tâm VNPT xác định:

- Thái Lập T đứng tên 24 thuê bao, số tiền cước phát sinh: 88.144.417 đồng, gồm các chứng minh nhân nhân có tên: Võ Đăng K, Võ Văn T9, Trần Tấn T8, Huỳnh Quốc D1, Nguyễn Quang V1.

- Dư Đức M1 đứng tên 11 thuê bao, số tiền cước phát sinh: 66.152.294 đồng, gồm các chứng minh nhân nhân có tên: Vũ Ngọc S, Nguyễn Cao T11.

- Trần Minh C đứng tên 10 thuê bao, số tiền cước phát sinh: 48.187.026 đồng, gồm các chứng minh nhân nhân có tên: Phùng Việt D, Dương Quốc C2, Nguyễn Trường T7.

- Đỗ Thị Việt H, đứng tên 11 thuê bao, số tiền cước phát sinh: 31.770.638 đồng, gồm các chứng minh nhân nhân có tên: Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thanh H1, Sển L.

Trung tâm V không cung cấp được các bản chính các hợp đồng đứng tên: Trần Quốc K1, Võ Chí T10, Huỳnh Quốc D1, Trịnh Minh H2, Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thị Thùy T5, gồm 19 thuê bao, tổng số tiền cước phát sinh nợ: 59.784.387 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 1160 ngày 22/08/2019 và Kết luận giám định bổ sung số 2063/KLGĐ-TT ngày 30/10/2020 của Phòng PC09 - Công an T15, kết luận:

- Chữ ký của Dư Đức M1 với chữ ký đứng hợp đồng dịch vụ mang tên Vũ Ngọc S, do cùng một người ký ra.

- Chữ ký của Thái Lập T so với chữ ký đứng hợp đồng dịch vụ mang tên Trần Tấn T8, Võ Văn T9 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký của Đỗ Thị Việt H so với chữ ký trên Hợp đồng dịch vụ mang tên Nguyễn Thị Diệu P, Sển L, Nguyễn Thanh H1, do cùng một người ký ra.

- Chữ ký của Trần Minh C so với chữ ký trên Hợp đồng dịch vụ mang tên Dương Quốc C2, do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Cao T11, trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Nguyễn Cao T11, do Dư Đức M1 ký có phải do cùng một người viết ra hay không; không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký chữ viết họ tên Võ Đăng K, Huỳnh Quốc D1, Nguyễn Quang V1, trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết họ tên Võ Đăng K, Huỳnh Quốc D1, Nguyễn Quang V1 tương ứng do Thái Lập T ký, viết trên tài liệu mẫu có phải do cùng một người viết ra hay không. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Trường T7, Phùng Việt D, trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Trường T7, Phùng Việt D tương ứng do Trần Minh C ký viết ra trên tài liệu mẫu có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T15, các bị can Thái Lập T, Trần Minh C, Dư Đức M1 và Đỗ Thị Việt H khai nhận như sau:

- Thái Lập T khai: T và Đỗ Thị Việt H sống chung với nhau như vợ chồng. Khoảng năm 2015, T quen biết C do H giới thiệu và quen biết M1 từ các mối quan hệ xã hội. Năm 2017, T nhặt được các giấy chứng minh nhân dân tại các khách sạn tại Quận A và mua các giấy chứng minh nhân dân của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực trước cổng chợ H4, quận T. Sau đó, T tự sửa chữa hoặc thuê người đàn ông tại khu vực chợ H4 dán hình ảnh của T vào các giấy

chứng minh nhân dân mang tên người khác để đăng ký sim thuê bao để chiếm đoạt tiền cước phí sử dụng vào mục đích chơi game online. T thừa nhận đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn T9, Trần Tấn T8 để đăng ký sim thuê bao mạng Vinaphone chiếm đoạt cước phí 5.232.400 đồng. Ngoài ra, T còn khai nhận đã dán ảnh của Đỗ Thị Việt H vào các giấy chứng minh nhân dân của người khác, sau đó đưa cho H để đăng ký sim thuê bao sử dụng vào mục đích chơi game online. T cung cấp giấy chứng minh nhân dân mang tên người khác cho Trần Minh C và hướng dẫn cho C cách thức làm giả bằng cách dán hình ảnh của C vào các giấy chứng minh nhân dân để đăng ký sim thuê bao nhằm chiếm đoạt cước phí sử dụng vào mục đích chơi game online. Sau khi H, C đăng ký sim thuê bao, đã trả lại giấy chứng minh nhân dân cho T và T đã vứt bỏ.

- Trần Minh C khai nhận: đã sử dụng các chứng minh nhân dân mang tên Phùng Việt D, Dương Quốc C2, Nguyễn Trường T7, đăng ký 10 thuê bao điện thoại, số tiền cước phát sinh: 48.187.026đ, theo các hồ sơ do Trung tâm K cung cấp. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng K2 Công an T15, xác định: chữ ký của Trần Minh C so với chữ ký trên Hợp đồng dịch vụ mang tên Dương Quốc C3, do cùng một người ký ra. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu cần giám định còn lại có tên nêu trên, có phải do cùng một người Trần Minh C viết ra hay không.

Hợp đồng dịch vụ số 207212 ngày 25/11/2017 mang tên Dương Quốc C2, do C thực hiện đăng ký thành công gồm 03 thuê bao trả sau của nhà mạng Vinaphone. Các số thuê bao đăng ký gồm: sim số 0915571331 chiếm đoạt số tiền cước phí phát sinh là: 6.010.035đ; sim số 0915581331, chiếm đoạt số tiền cước phí phát sinh là: 5.995.305đ; sim số 0917473003, chiếm đoạt số tiền cước phí phát sinh là: 6.061.684đ. Tổng số tiền cước phi phát sinh từ các sim điện thoại trên là: 18.067.024đ. Hợp đồng trên được nhân viên Nguyễn Thành D2 (Cửa hàng V tại địa chỉ số: 334 B P, phường A, quận B) tư vấn cho khách hàng qua điện thoại, sau đó giao hợp đồng, nhận sim tại đường S, Quận B (không nhớ rõ địa chỉ).

Về việc sửa chữa chứng minh nhân dân thì C được Thái Lập T hướng dẫn cách thức sửa chữa bằng cách thay ảnh của C vào các chứng minh nhân dân mang tên của người khác (hiện không nhớ thông tin cá nhân của người đứng tên trên chứng minh nhân dân), sau đó C tự thực hiện việc sửa chữa các chứng minh nhân dân để sử dụng vào việc đăng ký sim điện thoại của nhà mạng VNPT và sử dụng các sim điện thoại này nhắn tin mua mã game để chơi game online. Sau mỗi lần đăng ký được sim điện thoại, C đã hoàn trả chứng minh nhân dân cho Thái Lập T.

Quá trình điều tra, Trần Minh C đã nộp toàn bộ số tiền 48.187.026 đồng để khắc phục hậu quả cho Trung tâm K.

- Đỗ Thị Việt H khai nhận: đã sử dụng các chứng minh nhân dân mang tên

Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thanh H1, Sển L, đứng tên 11 thuê bao điện thoại, số tiền cước phát sinh: 31.770.638đ, theo các tài liệu do Trung tâm kinh doanh VNPT cung cấp. Các chứng minh nhân dân H1 dùng để đăng ký hòa mạng Vinaphone được T sửa chữa giúp, T đã chỉnh sửa gắn hình ảnh của H1. số sim điện thoại đăng ký được do H1 sử dụng, T không được hưởng gì từ việc làm trên. Trong số sim điện thoại đăng ký thành công, có vài lần H1 giao sim cho T là để trả nợ, được cấn trừ từ việc H1 mượn tiền để đóng phí đăng ký sim hoặc H1 mượn tiền để chơi game của T trước đó. Đối với các chứng minh nhân dân, sau khi đăng ký được sim H1 đã giao lại cho T, không rõ T sử dụng như thế nào.

Quá trình điều tra, Đỗ Thị Việt H đã nộp số tiền 1.174.347 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho Trung tâm K.

- Dư Đức M1 khai nhận: đã sử dụng chứng minh nhân dân số 024807821, mang tên Vũ Ngọc S để đăng ký 04 thuê bao trả sau của nhà mạng Vinaphone tại Cửa hàng B N, phường A, quận B. Tổng cước phí bị chiếm đoạt là 27.002.682 đồng. M1 không thừa nhận việc sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Cao T11 để đăng ký sim điện thoại chiếm đoạt cước phí của Trung tâm V.

Tại bản Cáo trạng số 35/CTr-VKS-P3 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Thái Lập T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với Trần Minh C, Đỗ Thị Việt H, Dư Đức M1 có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên, về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo Thái Lập T, Trần Minh C, Đỗ Thị Việt H, Dư Đức M1 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng nêu.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ lời khai của các bị cáo, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật, từ đó, đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thái Lập T mức án từ 02 đến 03năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo:

Dư Đức M1 mức án từ 01 đến 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Trần Minh C mức án từ 01 đến 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đỗ Thị Việt H mức án từ 01 đến 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Các bị cáo Dư Đức M1, Đỗ Thị Việt H, Trần Minh C không tranh luận.

Bị cáo Thái Lập T tranh luận: Bị cáo chỉ cho C, H dán ảnh vào chứng minh nhân dân, bị cáo H và C tự mình đi đăng ký sim mua mã game, bị cáo không thu lợi gì từ việc hướng dẫn H và C. Do đó, kết luận bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chiếm đoạt của H và C là không đúng.

Kiểm sát viên đối đáp: Thái Lập T là người cung cấp các chứng minh nhân dân và hướng dẫn cách làm giả chứng minh nhân dân để đăng ký sim thuê bao cho H và C. Dù không hưởng lợi gì từ H và C nhưng có được chứng minh nhân dân từ T và cách hướng dẫn làm giả chứng minh nhân dân, H và C mới đăng lý sim thuê bao thực hiện hành vi chiếm đoạt cước phí sử dụng chơi game online, số tiền chiếm đoạt: 49.837.662 đồng của công ty V. Do đó, Thái Lập T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền 55.070.062 đồng.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã hối hận, ăn năn về hành vi của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố T15, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung, quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai, biên bản đối chất, lời khai của các bị cáo, kết luận giám định … đã đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2018, các bị cáo Thái Lập T, Dư Đức M1, Đỗ Thị Việt H, Trần Minh C sử dụng các giấy chứng minh nhân dân giả đến các cửa hàng của Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố H trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký các sim thuê bao trả sau gói TG1, TG2 và Alo 145 nhằm mục đích sử dụng sim điện thoại nhắn tin SMS mua mã game online trên các trang web Google Play và chiếm đoạt cước phí.

Thái Lập Trung trực tiếp sử dụng các giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn T9, Trần Tấn T8 dán hình ảnh của T để đăng ký các sim thuê bao của nhà mạng V2, chiếm đoạt cước phí 5.232.400 đồng.

Đỗ Thị Việt H sử dụng các giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thanh H1, Sển Liên Hoan dán hình ảnh của H1 để đăng ký 11 sim thuê bao mạng Vinaphone chiếm đoạt cước phí 31.770.638 đồng.

Trần Minh C sử dụng các giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Quốc C2 dán hình ảnh của C để đăng ký 03 sim thuê bao mạng Vinaphone chiếm đoạt cước phí 18.067.024 đồng.

Dư Đức M1 sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Ngọc S dán hình ảnh của M1 để đăng ký các sim thuê bao mạng Vinaphone chiếm đoạt cước phí 27.002.682 đồng.

Thái Lập T là người cung cấp và hướng dẫn cách làm giả chứng minh nhân dân cho Trần Minh C và Đỗ Thị Việt H để sử dụng đăng ký sim thuê bao V2 và chiếm đoạt cước phí nên Thái Lập T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà H, C đã thực hiện chiếm đoạt cước phí với số tiền là 49.837.662 đồng. Do đó, Thái Lập T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 55.070.062 đồng.

Hành vi của bị cáo Thái Lập T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Dư Đức M1, Trần Minh C, Đỗ Thị Việt H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Trong vụ án tuy có 04 bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố H nhưng là đồng phạm mang tính chất giản đơn không có tổ chức, trong đó Thái Lập T là chủ mưu, người cung cấp chứng minh nhân dân và hướng dẫn các bị cáo H, C, M1 làm giả chứng minh nhân dân rồi thực hiện đăng ký sim thuê bao và chiếm đoạt cước phí.

Các bị cáo nhận thức được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng do hám lợi, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục cũng như răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thái Lập T, Trần Minh C, Dư Đức M1 và Đỗ Thị Việt H có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện, các bị can đã nộp tiền khắc phục hậu quả: Thái Lập T đã nộp số tiền 30.109.797 đồng; Đỗ Thị Việt H đã nộp số tiền 1.174.347 đồng; Trần Minh C đã nộp số tiền 48.187.026 đồng; Dư Đức M1 đã nộp số tiền 8.368.682 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Thái Lập T có 2 tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T mức án dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[3] Mặc dù Thái Lập T, Trần Minh C, Đỗ Thị Việt H, Dư Đức M1 đều khai nhận việc các bị cáo có hành vi làm giả chứng minh nhân dân để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Nhưng do không thu giữ được các bản chính chứng minh nhân dân giả, nên không đủ cơ sở để xử lý đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Dư Đức M1, Đỗ Thị Việt H phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại.

Đối với bị cáo Thái Lập T chiếm đoạt số tiền 5.232.400 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 30.109.797 đồng cho bị hại và bị cáo Trần Minh C chiếm đoạt số tiền 18.067.024 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 48.187.026 đồng cho bị hại. Do đó, ghi nhận bị cáo T và bị cáo C đã bồi thường đầy đủ. Tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại đối với số tiền dư, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các vấn đề khác:

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Thái Lập T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dư Đức M1 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Minh C mức án 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Việt H 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Dư Đức M1 có trách nhiệm bồi thường cho Tổng công ty D3 số tiền 18.634.00 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Việt H có trách nhiệm bồi thường cho Tổng công ty D3 số tiền 30.596.291 đồng

4. Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Dư Đức M1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 931.700 đồng.

Bị cáo Đỗ Thị Việt H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.529.815 đồng

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (4)
- Bị hại; (1)
- Thi hành án hình sự; (4)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (30) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vân